TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN DƯƠNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 119/2023/HNGĐ-ST Ngày 26-10-2023 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia sản sản chung khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Nhàn

2. Ông Đỗ Văn Thư

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Đinh Thị Hường- Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà:Bà Nguyễn Thùy Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thu H; nơi thường trú: Thôn Đ, xã H, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T; nơi thường trú: Thôn H, xã H, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Ngân hàng Đ; địa chỉ trụ sở: Tháp ..., số 194 đường T, phường L, Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Đ: Ông Nguyễn Thành L, chức vụ Giám đốc phòng Giao dịch Q, Ngân hàng Đ-Chi nhánh Hải Phòng (văn bản ủy quyền số: 952/QĐ-BIDV, HP ngày 25/4/2023); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình tố tụng nguyên đơn là chị Lê Thị Thu H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng vào ngày 26/9/2005. Sau khi kết hôn, hai bên sinh sống tại thôn H, xã H, huyện An Dương. Quá trình chung sống thời gian đầu cuộc sống của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, cuộc sống không có hạnh phúc. Chị đã tìm cách khắc phục mâu thuẫn nhưng hai bên không cải thiện được mà ngày càng mâu thuẫn nghiêm trọng hơn, vợ chồng thường xuyên va chạm. Mâu thuẫn đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả nên hai bên đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Do tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn nghiêm trọng, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống đoàn tụ với nhau, sống ly thân, hôn nhân không có hạnh phúc đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn T có 02 con chung là Nguyễn Minh Q, sinh ngày 16/7/2006 và Nguyễn Minh Qu, sinh ngày 24/4/2012. Ly hôn đề nghị Tòa án giao cho chị nuôi dưỡng con chung Nguyễn Minh Q, giao con chung Nguyễn Minh Qu cho anh T nuôi dưỡng sau ly hôn.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Chị và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống chị và anh T có tạo lập được hai khối tài sản chung gồm: Quyền sử dụng diện tích đất 195m^2 thuộc thửa đất số 244, tờ bản đồ số 11, địa chỉ thửa đất thôn Hạ Đỗ, xã H, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; Quyền sử dụng diện tích đất 387,8m^2 thuộc thửa đất số 396B, tờ bản đồ số 09, địa chỉ thửa đất thôn 6, xã B, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Năm 2022, chị và anh T ký hợp đồng tín dụng thấu chi vay số tiền 1.000.000.000đồng (một tỷ đồng) của Ngân hàng Đ, chi nhánh Hải Phòng, phòng giao dịch Quán Toan để làm ăn và ký hợp đồng thế chấp tài sản toàn bộ diện tích đất và tài sản trên thửa đất số 396B, tờ bản đồ số 09, địa chỉ thửa đất thôn 6, xã B, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng.Tại đơn khởi kiện chị đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung của chị và anh T. Do trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án chị và anh T đã thanh toán toàn bộ khoản vay cho Ngân hàng Đ và đã tự thỏa thuận phân chia với nhau về tài sản chung của vợ chồng. Ngày 06/10/2023 chị đã có đơn xin rút yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của chị và anh T khi ly hôn. Vì vậy, về tài sản chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án.

Anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa, quá trình tố tụng anh T trình bày:

Anh và chị Lê Thị Thu H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng vào năm 2005. Quá trình chung sống thời gian đầu cuộc sống của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng

không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, cuộc sống không có hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng, thường xuyên va chạm. Do mâu thuẫn nghiêm trọng nên hai bên đã sống ly thân từ năm 2020, không còn quan tâm đến nhau. Việc chị H xin ly hôn anh đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh và chị Lê Thị Thu H có 02 con chung là Nguyễn Minh Q, sinh ngày 16/7/2006 và Nguyễn Minh Qu, sinh ngày 24/4/2012. Ly hôn đề nghị Tòa án giao con chung Nguyễn Minh Qu cho anh nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Minh Q cho chị H nuôi dưỡng sau ly hôn.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Anh và chị H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Do anh và chị H đã thanh toán toàn bộ khoản vay cho Ngân hàng Đ và cũng tự thỏa thuận và phân chia xong với nhau về tài sản chung, nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung của anh và chị H trong thời gian chung sống.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Đ (gọi tắt là Ngân hàng) trình bày:

Ngày 16/01/2023, Ngân hàng và anh Nguyễn Văn T, chị Lê Thị Thu H có ký Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 01/2023/10162858/HĐCHMTC nội dung Ngân hàng cấp cho anh T, chị H số tiền tối đa là 1.000.000.000đồng (một tỷ đồng), lãi suất cho vay trong hạn là 10,5%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi chậm trả 10%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 39/2019/ 10162858/HĐTC ngày 29/01/2019 hai bên đã ký, cụ thể tài sản thế chấp quyền sử dụng diện tích đất 387,8m^2 và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 396B, tờ bản đồ số 09, địa chỉ thửa đất thôn 6, xã B, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân cấp cho anh T, chị H số tiền theo thỏa thuận của hai bên. Ngày 21/9/2023 do khoản vay của anh T chị H đã tất toán, Ngân hàng trả lại hồ sơ thế chấp cho bên thế chấp tài sản nên Ngân hàng không còn quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến tài sản chung của anh T, chị H. Do vậy, Ngân hàng không đề nghị Tòa án giải quyết khoản vay nợ cũng như tài sản thế chấp của anh T, chị H tại Ngân hàng.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 28, 147, 244, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 39 Bộ luật Dân sự: Xử cho chị Lê Thị Thu H được ly hôn anh Nguyễn Văn T. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Minh Q,

sinh ngày 16/7/2016 cho chị Lê Thị Thu H nuôi dưỡng; giao con chung Nguyễn Minh Qu, sinh ngày 24/4/2012 cho anh Nguyễn Văn T nuôi dưỡng sau ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của chị Lê Thị Thu H đối với anh Nguyễn Văn T. Về án phí: Chị Lê Thị Thu H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Trả lại cho chị Lê Thị Thu H số tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung đã nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Chị Lê Thị Thu H khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn T có nơi cư trú: Xã H, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn T, Ngân hàng Đ có quan điểm đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn T, Ngân hàng Đ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Toà án thu thập đã có đủ cơ sở xác định lời khai của chị H và anh T về thời gian kết hôn, quá trình chung sống giữa hai bên là đúng sự thật. Mâu thuẫn vợ chồng được thể hiện ở việc trong quá trình chung sống hai bên va chạm bất hòa, sống ly thân, không còn quan tâm và trách nhiệm đến nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Chị H, anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc đề nghị Tòa án giải quyết cho hai bên ly hôn. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã kéo dài và trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn. Căn cứ vào các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị Lê Thị Thu H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

[4] Về con chung: Chị Lê Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T có 02 con chung Nguyễn Minh Q, sinh ngày 16/7/2006 và Nguyễn Minh Qu, sinh ngày 24/4/2012. Xét thấy, việc nuôi dưỡng con chung là quyền đồng thời là nghĩa vụ của cha mẹ. Quá trình giải quyết vụ án, chị H, anh T có quan điểm thống nhất chị H nuôi con chung Nguyễn Minh Q, anh T nuôi con chung Nguyễn Minh Qu sau ly hôn, về cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp, Tòa án thu thập, nguyện vọng con chung. Xét quan điểm của chị H và anh T là tự nguyện, giao con chung Nguyễn Minh Q cho chị H nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Minh Qu cho anh T nuôi dưỡng sau ly hôn. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày

bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Chị Lê Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Tại đơn khởi kiện chị Lê Thị Thu H đề nghị Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung của chị H và anh T trong thời kỳ hôn nhân là quyền sử dụng diện tích đất 195m^2 thuộc thửa đất số 244, tờ bản đồ số 11, địa chỉ thửa đất thôn Hạ Đỗ, xã H, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; Quyền sử dụng diện tích đất 387,8m^2 thuộc thửa đất số 396B, tờ bản đồ số 09, địa chỉ thửa đất thôn 6, xã B, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Trong đó diện tích đất 387,8m^2 thuộc thửa đất số 396B, tờ bản đồ số 09 chị H và anh T đã ký hợp đồng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của chị H, anh T tại Ngân hàng Đ, chi nhánh Hải Phòng. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án chị H và anh T đã tất toán khoản vay, ngân hàng trả lại hồ sơ thế chấp cho bên thế chấp. Sau khi giải chấp tài sản anh T, chị H, Ngân hàng đều có quan điểm không yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề liên quan đến khoản vay, tài sản thế chấp nêu trên. Ngày 06/10/2023 chị H đã có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung giữa chị H và anh T trong thời kỳ hôn nhân do hai bên đã tự phân chia xong với nhau về tài sản chung. Xét việc rút yêu cầu chia tài sản chung của chị H là tự nguyện, căn cứ vào Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn của chị H đối với anh Nguyễn Văn T trong vụ án.

Sau này các bên có tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung Tòa án giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[7] Về án phí: Chị Lê Thị Thu H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định. Trả lại cho chị H số tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung sơ thẩm theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các điều 70, 143, 147, 244; khoản 1 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56, 58, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào các điều 6, 18, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thu H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Chị Lê Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T có 02 con chung Nguyễn Minh Q, sinh ngày 16/7/2006 và Nguyễn Minh Qu, sinh ngày 24/4/2012. Ly hôn hai bên thỏa thuận giao con chung Nguyễn Minh Qu cho chị Lê Thị Thu H nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Minh Q cho anh Nguyễn Văn T nuôi dưỡng sau ly hôn.

Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Chị Lê Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn của chị Lê Thị Thu H đối với anh Nguyễn Văn T.

5. Về án phí: Chị Lê Thị Thu H phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí ly hôn chị H đã nộp (biên lai thu tiền số 0004512 ngày 17/4/2023) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Chị Lê Thị Thu H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trả lại cho chị Lê Thị Thu H số tiền 36.000.000đồng tạm ứng án phí chia tài sản chung sơ thẩm đã nộp (biên lai thu tiền số 0004511 ngày 17/4/2023) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

Trong trường hợp bản án được thi hành án tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND xã H (ĐKKH số 57/2005);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thu Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Thi **Đỗ Văn Thư**

Nguyễn Thị Thu Hương

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND xã Đại Bản (ĐKKH số 78/2008, ngày 10/6/2008);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thu Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lợi **Đỗ Văn Thư** **Nguyễn Thị Thu Hương**

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND xã An Đồng (Nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thu Hương